

THÔNG BÁO  
Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ

| STT | Mã cổ phiếu | Tên cổ phiếu                                               | Tỷ lệ MR cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo (%) | Tỷ lệ DP cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo (%) | Giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa (VND) | Sàn giao dịch |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | AAA         | CTCP Nhựa An Phát Xanh                                     | 50                                                | 50                                                | 10,640                                                | HOSE          |
| 2   | ABT         | CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre                       | 50                                                | 50                                                | 95,550                                                | HOSE          |
| 3   | ACB         | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu                        | 50                                                | 50                                                | 31,720                                                | HOSE          |
| 4   | ACC         | CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC                     | 50                                                | 50                                                | 18,070                                                | HOSE          |
| 5   | ACG         | CTCP Gỗ An Cường                                           | 50                                                | 50                                                | 47,120                                                | HOSE          |
| 6   | ACL         | CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang                        | 50                                                | 50                                                | 15,270                                                | HOSE          |
| 7   | ADG         | CTCP Clever Group                                          | 50                                                | 50                                                | 13,190                                                | HOSE          |
| 8   | ADP         | CTCP Sơn Á Đông                                            | 50                                                | 50                                                | 35,880                                                | HOSE          |
| 9   | ADS         | CTCP Damsan                                                | 50                                                | 50                                                | 11,000                                                | HOSE          |
| 10  | AGG         | CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia              | 35                                                | 35                                                | 16,200                                                | HOSE          |
| 11  | AGR         | CTCP Chứng khoán Agribank                                  | 50                                                | 50                                                | 23,460                                                | HOSE          |
| 12  | ANV         | CTCP Nam Việt                                              | 50                                                | 50                                                | 40,600                                                | HOSE          |
| 13  | APG         | CTCP Chứng khoán APG                                       | 35                                                | 35                                                | 11,420                                                | HOSE          |
| 14  | ASG         | CTCP Tập đoàn ASG                                          | 50                                                | 50                                                | 22,100                                                | HOSE          |
| 15  | ASM         | CTCP Tập Đoàn Sao Mai                                      | 50                                                | 50                                                | 10,490                                                | HOSE          |
| 16  | AST         | CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco                             | 50                                                | 50                                                | 86,450                                                | HOSE          |
| 17  | BAB         | Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á                         | 50                                                | 50                                                | 18,000                                                | HNX           |
| 18  | BAF         | CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam                              | 50                                                | 50                                                | 48,100                                                | HOSE          |
| 19  | BAX         | CTCP Thống Nhất                                            | 50                                                | 50                                                | 46,800                                                | HNX           |
| 20  | BBC         | CTCP Bibica                                                | 50                                                | 50                                                | 104,000                                               | HOSE          |
| 21  | BCE         | CTCP Xây dựng và giao thông Bình Dương                     | 50                                                | 50                                                | 15,340                                                | HOSE          |
| 22  | BCF         | CTCP Thực phẩm Bích Chi                                    | 50                                                | 50                                                | 48,700                                                | HNX           |
| 23  | BCM         | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP       | 50                                                | 50                                                | 91,780                                                | HOSE          |
| 24  | BFC         | CTCP Phân Bón Bình Điền                                    | 50                                                | 50                                                | 54,210                                                | HOSE          |
| 25  | BHN         | Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội    | 50                                                | 50                                                | 45,500                                                | HOSE          |
| 26  | BIC         | Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 50                                                | 50                                                | 61,880                                                | HOSE          |
| 27  | BID         | Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam               | 50                                                | 50                                                | 56,220                                                | HOSE          |
| 28  | BKC         | CTCP Khoáng sản Bắc Kạn                                    | 35                                                | 35                                                | 33,430                                                | HNX           |

|    |     |                                                          |    |    |         |      |
|----|-----|----------------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 29 | BKG | CTCP Đầu tư BKG Việt Nam                                 | 50 | 50 | 3,800   | HOSE |
| 30 | BMC | CTCP Khoáng Sản Bình Định                                | 50 | 50 | 23,720  | HOSE |
| 31 | BMI | Tổng CTCP Bảo Minh                                       | 50 | 50 | 26,780  | HOSE |
| 32 | BMP | CTCP Nhựa Bình Minh                                      | 50 | 50 | 172,640 | HOSE |
| 33 | BRC | Công ty cổ phần Cao su Bến Thành                         | 50 | 50 | 17,220  | HOSE |
| 34 | BSI | CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 50 | 50 | 64,220  | HOSE |
| 35 | BSR | CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn                                | 50 | 50 | 38,610  | HOSE |
| 36 | BTP | CTCP Nhiệt điện Bà Rịa                                   | 50 | 50 | 14,880  | HOSE |
| 37 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt                                        | 50 | 50 | 79,170  | HOSE |
| 38 | BVS | CTCP Chứng khoán Bảo Việt                                | 50 | 50 | 49,900  | HNX  |
| 39 | BWE | CTCP Nước – Môi trường Bình Dương                        | 50 | 50 | 64,670  | HOSE |
| 40 | C69 | Công ty cổ phần Xây dựng 1369                            | 40 | 40 | 14,120  | HNX  |
| 41 | CAP | CTCP Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái                      | 50 | 50 | 48,400  | HNX  |
| 42 | CCI | CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi     | 50 | 50 | 31,520  | HOSE |
| 43 | CCL | CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long        | 50 | 50 | 9,490   | HOSE |
| 44 | CCR | CTCP Cảng Cam Ranh                                       | 50 | 50 | 15,080  | HNX  |
| 45 | CDC | CTCP Chương Dương                                        | 50 | 50 | 32,760  | HOSE |
| 46 | CDN | CTCP Cảng Đà Nẵng                                        | 50 | 50 | 39,500  | HNX  |
| 47 | CEO | CTCP Tập đoàn C.E.O                                      | 50 | 50 | 30,000  | HNX  |
| 48 | CHP | CTCP Thủy Điện Miền Trung                                | 50 | 50 | 43,940  | HOSE |
| 49 | CIA | CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh                    | 50 | 50 | 10,400  | HNX  |
| 50 | CII | CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP HCM                      | 50 | 50 | 30,800  | HOSE |
| 51 | CKG | CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang          | 50 | 50 | 18,060  | HOSE |
| 52 | CLC | CTCP Cát Lợi                                             | 50 | 50 | 64,350  | HOSE |
| 53 | CLH | CTCP Xi măng La Hiên VVMI                                | 50 | 50 | 26,600  | HNX  |
| 54 | CLL | CTCP Cảng Cát Lái                                        | 50 | 50 | 43,350  | HOSE |
| 55 | CMG | CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC                              | 50 | 50 | 58,300  | HOSE |
| 56 | CMS | CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam                               | 50 | 50 | 11,800  | HNX  |
| 57 | CNG | CTCP CNG Việt Nam                                        | 50 | 50 | 36,720  | HOSE |
| 58 | COM | CTCP Vật Tư - Xăng Dầu                                   | 40 | 40 | 43,500  | HOSE |
| 59 | CRC | CTCP Create Capital Việt Nam                             | 50 | 50 | 14,640  | HOSE |
| 60 | CRE | CTCP Bất động sản Thể Kỳ                                 | 50 | 50 | 14,690  | HOSE |
| 61 | CSC | CTCP Tập đoàn COTANA                                     | 50 | 50 | 27,900  | HNX  |

|    |     |                                                  |    |    |         |      |
|----|-----|--------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 62 | CSM | CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam                 | 50 | 50 | 19,400  | HOSE |
| 63 | CSV | CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam                    | 50 | 50 | 43,700  | HOSE |
| 64 | CTB | CTCP Chế tạo Bom Hải Dương                       | 50 | 50 | 29,800  | HNX  |
| 65 | CTD | CTCP Xây Dựng Coteccons                          | 50 | 50 | 101,270 | HOSE |
| 66 | CTF | CTCP City Auto                                   | 40 | 40 | 24,000  | HOSE |
| 67 | CTG | Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam              | 50 | 50 | 61,750  | HOSE |
| 68 | CTI | CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO         | 50 | 50 | 31,100  | HOSE |
| 69 | CTP | CTCP Hòa Bình Takara                             | 25 | 25 | 20,000  | HNX  |
| 70 | CTR | Tổng CTCP Công trình Viettel                     | 50 | 50 | 120,510 | HOSE |
| 71 | CTS | CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam  | 50 | 50 | 53,040  | HOSE |
| 72 | CVT | CTCP CMC                                         | 50 | 50 | 33,800  | HOSE |
| 73 | D2D | CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2          | 50 | 50 | 49,790  | HOSE |
| 74 | DAT | CTCP Đầu tư du lịch và Phát triển Thủy sản       | 50 | 50 | 11,600  | HOSE |
| 75 | DBC | CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam                    | 50 | 50 | 39,320  | HOSE |
| 76 | DBD | CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định        | 50 | 50 | 60,000  | HOSE |
| 77 | DBT | CTCP Dược phẩm Bến Tre                           | 50 | 50 | 14,880  | HOSE |
| 78 | DC4 | CTCP Đầu tư và Thương mại DIC                    | 50 | 50 | 16,320  | HOSE |
| 79 | DCL | CTCP Dược phẩm Cửu Long                          | 50 | 50 | 33,800  | HOSE |
| 80 | DCM | CTCP Phân Bón Dầu Khí Cà Mau                     | 50 | 50 | 51,870  | HOSE |
| 81 | DGC | CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang                 | 50 | 50 | 138,190 | HOSE |
| 82 | DGW | CTCP Thế Giới Số                                 | 50 | 50 | 60,380  | HOSE |
| 83 | DHA | CTCP Hóa An                                      | 50 | 50 | 62,200  | HOSE |
| 84 | DHC | CTCP Đông Hải Bến Tre                            | 50 | 50 | 47,060  | HOSE |
| 85 | DHG | CTCP Dược Hậu Giang                              | 50 | 50 | 133,640 | HOSE |
| 86 | DHT | CTCP Dược phẩm Hà Tây                            | 50 | 50 | 107,200 | HNX  |
| 87 | DIG | Tổng CTCP Đầu Tư Phát triển Xây Dựng             | 50 | 50 | 24,900  | HOSE |
| 88 | DIH | CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An           | 50 | 50 | 19,800  | HNX  |
| 89 | DL1 | CTCP Tập đoàn Alpha Seven                        | 10 | 10 | 6,600   | HNX  |
| 90 | DMC | CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco                 | 50 | 50 | 80,600  | HOSE |
| 91 | DNP | CTCP DNP Holding                                 | 50 | 50 | 24,800  | HNX  |
| 92 | DP3 | CTCP Dược phẩm Trung ương 3                      | 50 | 50 | 67,900  | HNX  |
| 93 | DPG | CTCP Tập đoàn Đạt Phương                         | 50 | 50 | 60,900  | HOSE |
| 94 | DPM | Tổng công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP | 50 | 50 | 34,510  | HOSE |
| 95 | DPR | CTCP Cao Su Đồng Phú                             | 50 | 50 | 47,120  | HOSE |
| 96 | DRC | CTCP Cao Su Đà Nẵng                              | 50 | 50 | 22,230  | HOSE |

|     |     |                                           |    |    |         |      |
|-----|-----|-------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 97  | DRL | CTCP Thủy điện - Điện Lực 3               | 50 | 50 | 72,930  | HOSE |
| 98  | DSC | CTCP Chứng khoán DSC                      | 50 | 50 | 30,740  | HOSE |
| 99  | DSE | CTCP Chứng khoán DNSE                     | 50 | 50 | 39,060  | HOSE |
| 100 | DSN | CTCP Công Viên Nước Đầm Sen               | 50 | 50 | 59,150  | HOSE |
| 101 | DST | CTCP Đầu tư Sao Thăng Long                | 50 | 50 | 11,440  | HNX  |
| 102 | DTA | CTCP Đệ Tam                               | 50 | 50 | 6,500   | HOSE |
| 103 | DTD | CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt          | 50 | 50 | 28,800  | HNX  |
| 104 | DTG | CTCP Dược phẩm Tipharco                   | 50 | 50 | 18,900  | HNX  |
| 105 | DTK | Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP          | 50 | 50 | 15,820  | HNX  |
| 106 | DVM | CTCP Dược liệu Việt Nam                   | 50 | 50 | 7,000   | HNX  |
| 107 | DVP | CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ    | 50 | 50 | 94,250  | HOSE |
| 108 | DXG | CTCP Tập đoàn Đất Xanh                    | 50 | 50 | 31,200  | HOSE |
| 109 | DXP | CTCP Cảng Đoạn Xá                         | 50 | 50 | 14,620  | HNX  |
| 110 | DXS | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh        | 50 | 50 | 15,660  | HOSE |
| 111 | EBS | CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội   | 50 | 50 | 14,780  | HNX  |
| 112 | EIB | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam    | 50 | 50 | 35,000  | HOSE |
| 113 | EID | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 50 | 50 | 32,800  | HNX  |
| 114 | ELC | CTCP Công Nghệ - Viễn Thông Elcom         | 50 | 50 | 28,600  | HOSE |
| 115 | EVF | Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực        | 50 | 50 | 15,880  | HOSE |
| 116 | EVG | CTCP Tập đoàn Everland                    | 50 | 50 | 14,360  | HOSE |
| 117 | EVS | CTCP Chứng khoán Everest                  | 50 | 50 | 11,700  | HNX  |
| 118 | FCN | Công ty cổ phần FECON                     | 50 | 50 | 22,800  | HOSE |
| 119 | FIR | CTCP Địa ốc First Real                    | 20 | 20 | 7,500   | HOSE |
| 120 | FIT | CTCP Tập đoàn F.I.T                       | 50 | 50 | 6,780   | HOSE |
| 121 | FMC | CTCP Thực Phẩm Sao Ta                     | 50 | 50 | 46,340  | HOSE |
| 122 | FPT | CTCP FPT                                  | 50 | 50 | 138,060 | HOSE |
| 123 | FRT | Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT    | 50 | 50 | 197,600 | HOSE |
| 124 | FTS | CTCP Chứng Khoán FPT                      | 50 | 50 | 54,340  | HOSE |
| 125 | GAS | Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP          | 50 | 50 | 89,830  | HOSE |
| 126 | GDT | CTCP chế biến Gỗ Đức Thành                | 50 | 50 | 27,300  | HOSE |
| 127 | GDW | CTCP Cấp nước Gia Định                    | 50 | 50 | 44,700  | HNX  |
| 128 | GEE | CTCP Điện lực Gelex                       | 50 | 50 | 125,000 | HOSE |
| 129 | GEG | CTCP Điện Gia Lai                         | 50 | 50 | 20,700  | HOSE |
| 130 | GEX | CTCP Tập đoàn GELEX                       | 50 | 50 | 45,000  | HOSE |
| 131 | GIC | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh    | 50 | 50 | 19,500  | HNX  |
| 132 | GLT | CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu               | 40 | 40 | 27,250  | HNX  |
| 133 | GMD | CTCP Gemadept                             | 50 | 50 | 96,200  | HOSE |
| 134 | GMH | CTCP Minh Hưng Quảng Trị                  | 50 | 50 | 10,270  | HOSE |

|     |     |                                                        |    |    |         |      |
|-----|-----|--------------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 135 | GMX | CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân                    | 50 | 50 | 22,100  | HNX  |
| 136 | GSP | CTCP Vận Tải Sản phẩm khí Quốc Tế                      | 50 | 50 | 15,530  | HOSE |
| 137 | GTA | CTCP Chế biến gỗ Thuận An                              | 50 | 50 | 12,740  | HOSE |
| 138 | GVR | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP            | 50 | 50 | 42,380  | HOSE |
| 139 | HAG | CTCP Hoàng Anh Gia Lai                                 | 45 | 45 | 15,550  | HOSE |
| 140 | HAH | CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An                          | 50 | 50 | 76,310  | HOSE |
| 141 | HAR | CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Tháo Điền | 50 | 50 | 7,890   | HOSE |
| 142 | HAX | CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                            | 50 | 50 | 19,110  | HOSE |
| 143 | HCC | CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX                         | 50 | 50 | 29,900  | HNX  |
| 144 | HCD | CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD                 | 50 | 50 | 10,790  | HOSE |
| 145 | HCM | CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh                 | 50 | 50 | 37,240  | HOSE |
| 146 | HDA | CTCP Hăng Sơn Đông Á                                   | 50 | 50 | 8,080   | HNX  |
| 147 | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh        | 50 | 50 | 43,480  | HOSE |
| 148 | HDC | CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu                  | 50 | 50 | 48,420  | HOSE |
| 149 | HDG | CTCP Tập đoàn Hà Đô                                    | 50 | 50 | 40,040  | HOSE |
| 150 | HGM | CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang                     | 50 | 50 | 377,000 | HNX  |
| 151 | HHP | CTCP HHP Global                                        | 50 | 50 | 13,910  | HOSE |
| 152 | HHS | CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy                          | 50 | 50 | 25,610  | HOSE |
| 153 | HHV | CTCP Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả                  | 50 | 50 | 19,040  | HOSE |
| 154 | HID | CTCP HALCOM Việt Nam                                   | 50 | 50 | 3,000   | HOSE |
| 155 | HII | CTCP An Tiến Industries                                | 50 | 50 | 5,680   | HOSE |
| 156 | HJS | CTCP Thủy điện Nậm Mu                                  | 50 | 50 | 37,300  | HNX  |
| 157 | HLC | CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin                           | 50 | 50 | 14,500  | HNX  |
| 158 | HLD | CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND         | 50 | 50 | 24,900  | HNX  |
| 159 | HMC | CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel           | 50 | 50 | 15,470  | HOSE |
| 160 | HMH | CTCP Hải Minh                                          | 50 | 50 | 20,500  | HNX  |
| 161 | HMR | CTCP Đá Hoàng Mai                                      | 50 | 50 | 14,600  | HNX  |
| 162 | HNA | CTCP Thủy điện Hủa Na                                  | 50 | 50 | 32,500  | HOSE |
| 163 | HPG | CTCP Tập Đoàn Hòa Phát                                 | 50 | 50 | 33,340  | HOSE |

|     |     |                                                  |    |    |        |      |
|-----|-----|--------------------------------------------------|----|----|--------|------|
| 164 | HPX | CTCP Đầu tư Hải Phát                             | 50 | 50 | 7,640  | HOSE |
| 165 | HQC | CTCP Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân | 50 | 50 | 4,710  | HOSE |
| 166 | HRC | CTCP Cao su Hòa Bình                             | 50 | 50 | 40,000 | HOSE |
| 167 | HSG | CTCP Tập đoàn Hoa Sen                            | 50 | 50 | 25,480 | HOSE |
| 168 | HSL | CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà         | 20 | 20 | 11,300 | HOSE |
| 169 | HT1 | CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên                       | 50 | 50 | 24,180 | HOSE |
| 170 | HTG | Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ             | 50 | 50 | 61,100 | HOSE |
| 171 | HTI | CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO             | 50 | 50 | 28,010 | HOSE |
| 172 | HTL | CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long                | 50 | 50 | 35,230 | HOSE |
| 173 | HTN | CTCP Hưng Thịnh Incons                           | 50 | 50 | 17,140 | HOSE |
| 174 | HTV | CTCP Logistics Vicem                             | 50 | 50 | 16,180 | HOSE |
| 175 | HUB | CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế                      | 50 | 50 | 22,620 | HOSE |
| 176 | HUT | CTCP Tasco                                       | 50 | 50 | 26,300 | HNX  |
| 177 | HVH | CTCP Đầu tư và Công nghệ HVC                     | 50 | 50 | 15,860 | HOSE |
| 178 | HVT | CTCP Hóa chất Việt Trì                           | 50 | 50 | 44,400 | HNX  |
| 179 | ICT | CTCP Viễn thông – Tin học Bưu điện               | 50 | 50 | 19,500 | HOSE |
| 180 | IDC | Tổng công ty IDICO - CTCP                        | 50 | 50 | 56,550 | HNX  |
| 181 | IDI | CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I      | 50 | 50 | 10,600 | HOSE |
| 182 | IDV | CTCP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc                | 50 | 50 | 33,800 | HNX  |
| 183 | IJC | CTCP Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật                 | 50 | 50 | 18,980 | HOSE |
| 184 | ILB | CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình                    | 50 | 50 | 36,400 | HOSE |
| 185 | IMP | CTCP Dược Phẩm Imexpharm                         | 50 | 50 | 61,100 | HOSE |
| 186 | INN | CTCP Bao bì và in Nông Nghiệp                    | 50 | 50 | 76,000 | HNX  |
| 187 | IPA | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A                       | 50 | 50 | 33,200 | HNX  |
| 188 | ITC | CTCP Đầu tư - Kinh doanh nhà                     | 50 | 50 | 20,000 | HOSE |
| 189 | ITD | CTCP Công nghệ Tiên Phong                        | 50 | 50 | 18,000 | HOSE |
| 190 | IVS | CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)         | 50 | 50 | 14,600 | HNX  |
| 191 | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP   | 50 | 50 | 41,200 | HOSE |
| 192 | KDC | CTCP Tập đoàn KIDO                               | 50 | 50 | 71,110 | HOSE |
| 193 | KDH | CTCP Đầu Tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền         | 50 | 50 | 47,060 | HOSE |
| 194 | KHG | CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land                     | 50 | 50 | 8,000  | HOSE |
| 195 | KHP | CTCP Điện lực Khánh Hoà                          | 50 | 50 | 14,340 | HOSE |
| 196 | KHS | CTCP Kiên Hùng                                   | 50 | 50 | 28,300 | HNX  |
| 197 | KMR | CTCP Mirae                                       | 30 | 30 | 4,170  | HOSE |
| 198 | KSB | CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương           | 50 | 50 | 28,470 | HOSE |

|     |     |                                                 |    |    |         |      |
|-----|-----|-------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 199 | KSF | CTCP Tập đoàn Sunshine                          | 50 | 50 | 90,000  | HNX  |
| 200 | KSV | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP              | 45 | 45 | 193,830 | HNX  |
| 201 | KTS | Công ty cổ phần Đường Kon Tum                   | 50 | 50 | 58,200  | HNX  |
| 202 | L14 | CTCP LICOGI 14                                  | 50 | 50 | 56,600  | HNX  |
| 203 | L18 | Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18        | 50 | 50 | 40,000  | HNX  |
| 204 | L40 | CTCP Đầu tư và Xây dựng 40                      | 15 | 15 | 66,660  | HNX  |
| 205 | LAF | CTCP Chế biến hàng XK Long An                   | 50 | 50 | 26,710  | HOSE |
| 206 | LAS | CTCP Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao        | 50 | 50 | 26,400  | HNX  |
| 207 | LBM | CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng   | 50 | 50 | 54,600  | HOSE |
| 208 | LCG | CTCP Lizen                                      | 50 | 50 | 16,180  | HOSE |
| 209 | LGC | CTCP Đầu tư Cầu đường CII                       | 20 | 20 | 76,450  | HOSE |
| 210 | LHC | CTCP Đầu tư và xây dựng thủy lợi Lâm Đồng       | 40 | 40 | 100,000 | HNX  |
| 211 | LHG | CTCP Long Hậu                                   | 50 | 50 | 42,700  | HOSE |
| 212 | LIG | CTCP LICOGI 13                                  | 50 | 50 | 6,240   | HNX  |
| 213 | LIX | CTCP Bột Giặt Lix                               | 50 | 50 | 43,550  | HOSE |
| 214 | LPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam  | 50 | 50 | 60,450  | HOSE |
| 215 | LSS | CTCP Mía đường Lam Sơn                          | 50 | 50 | 12,670  | HOSE |
| 216 | MAC | CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải      | 50 | 50 | 24,100  | HNX  |
| 217 | MBB | Ngân Hàng TMCP Quân Đội                         | 50 | 50 | 31,590  | HOSE |
| 218 | MBS | CTCP Chứng Khoán MB                             | 50 | 50 | 40,230  | HNX  |
| 219 | MCF | CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm     | 50 | 50 | 9,700   | HNX  |
| 220 | MCM | CTCP Giống bò sữa Mộc Châu                      | 50 | 50 | 36,200  | HOSE |
| 221 | MCP | Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu            | 50 | 50 | 38,020  | HOSE |
| 222 | MDC | CTCP Than Mông Dương - Vinacomin                | 50 | 50 | 13,200  | HNX  |
| 223 | MHC | CTCP MHC                                        | 50 | 50 | 20,540  | HOSE |
| 224 | MIG | Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội                     | 50 | 50 | 25,220  | HOSE |
| 225 | MSB | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam                | 50 | 50 | 19,170  | HOSE |
| 226 | MSH | CTCP Máy Sóng Hồng                              | 50 | 50 | 45,760  | HOSE |
| 227 | MSN | CTCP Tập Đoàn Masan                             | 50 | 50 | 99,060  | HOSE |
| 228 | MST | CTCP Đầu tư MST                                 | 50 | 50 | 8,320   | HNX  |
| 229 | MVB | Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | 50 | 50 | 23,900  | HNX  |
| 230 | MWG | CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động                    | 50 | 50 | 91,650  | HOSE |
| 231 | NAB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á              | 50 | 50 | 21,190  | HOSE |
| 232 | NAF | CTCP Nafoods Group                              | 45 | 45 | 27,270  | HOSE |

|     |     |                                                         |    |    |         |      |
|-----|-----|---------------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 233 | NAG | CTCP Tập đoàn Nagakawa                                  | 50 | 50 | 19,600  | HNX  |
| 234 | NBB | CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy                                 | 40 | 40 | 22,090  | HOSE |
| 235 | NBC | CTCP Than Núi Béo - Vinacomin                           | 50 | 50 | 12,200  | HNX  |
| 236 | NCT | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                           | 50 | 50 | 132,600 | HOSE |
| 237 | NDN | CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng                      | 50 | 50 | 17,900  | HNX  |
| 238 | NET | CTCP Bột giặt NET                                       | 50 | 50 | 101,200 | HNX  |
| 239 | NFC | CTCP Phân lân Ninh Bình                                 | 50 | 50 | 69,100  | HNX  |
| 240 | NHA | Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội | 50 | 50 | 30,200  | HOSE |
| 241 | NHH | CTCP Nhựa Hà Nội                                        | 50 | 50 | 14,980  | HOSE |
| 242 | NHT | CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa                     | 50 | 50 | 13,650  | HOSE |
| 243 | NKG | CTCP Thép Nam Kim                                       | 50 | 50 | 23,530  | HOSE |
| 244 | NLG | CTCP Đầu Tư Nam Long                                    | 50 | 50 | 60,510  | HOSE |
| 245 | NNC | CTCP Đá Núi Nhỏ                                         | 50 | 50 | 60,000  | HOSE |
| 246 | NO1 | CTCP Tập đoàn 911                                       | 50 | 50 | 9,720   | HOSE |
| 247 | NSC | CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam                  | 50 | 50 | 105,300 | HOSE |
| 248 | NSH | CTCP Tập đoàn Nhóm Sông Hồng Shalumi                    | 50 | 50 | 5,100   | HNX  |
| 249 | NST | CTCP Ngân Sơn                                           | 50 | 50 | 16,520  | HNX  |
| 250 | NT2 | CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                      | 50 | 50 | 29,180  | HOSE |
| 251 | NTH | CTCP Thủy điện Nước trong                               | 50 | 50 | 66,300  | HNX  |
| 252 | NTL | CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm                          | 50 | 50 | 26,520  | HOSE |
| 253 | NTP | CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong                         | 50 | 50 | 84,110  | HNX  |
| 254 | OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông                              | 50 | 50 | 16,380  | HOSE |
| 255 | OPC | CTCP Dược phẩm OPC                                      | 50 | 50 | 26,400  | HOSE |
| 256 | PAC | CTCP Pin Ấc Quy Miền Nam                                | 50 | 50 | 40,300  | HOSE |
| 257 | PAN | CTCP Tập đoàn PAN                                       | 50 | 50 | 44,130  | HOSE |
| 258 | PC1 | CTCP Tập đoàn PC1                                       | 50 | 50 | 33,990  | HOSE |
| 259 | PCE | CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung            | 50 | 50 | 29,600  | HNX  |
| 260 | PCH | CTCP Nhựa Picomat                                       | 22 | 22 | 14,290  | HNX  |
| 261 | PCT | CTCP Vận tải biển Global Pacific                        | 50 | 50 | 14,300  | HNX  |
| 262 | PDB | CTCP Tập đoàn Đầu tư Din Capital                        | 50 | 50 | 25,800  | HNX  |
| 263 | PDN | CTCP Cảng Đồng Nai                                      | 50 | 50 | 126,100 | HOSE |
| 264 | PDR | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt                   | 50 | 50 | 22,000  | HOSE |
| 265 | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng Hợp Dầu Khí                      | 50 | 50 | 50,180  | HOSE |
| 266 | PGC | Tổng công ty Gas Petrolimex - CTCP                      | 50 | 50 | 18,130  | HOSE |
| 267 | PGD | CTCP Phân Phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam             | 50 | 50 | 35,490  | HOSE |
| 268 | PGI | Tổng CTCP Bảo Hiểm Petrolimex                           | 50 | 50 | 26,780  | HOSE |
| 269 | PGS | CTCP Kinh doanh Khí miền Nam                            | 50 | 50 | 52,600  | HNX  |
| 270 | PHC | CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings                        | 50 | 50 | 8,020   | HOSE |



|     |     |                                                     |    |    |         |      |
|-----|-----|-----------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 271 | PHR | CTCP Cao Su Phước Hòa                               | 50 | 50 | 80,600  | HOSE |
| 272 | PIC | CTCP Đầu tư Điện lực 3                              | 50 | 50 | 23,900  | HNX  |
| 273 | PJT | CTCP Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex         | 50 | 50 | 12,180  | HOSE |
| 274 | PLC | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP              | 50 | 50 | 37,400  | HNX  |
| 275 | PLP | CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê              | 50 | 50 | 6,520   | HOSE |
| 276 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                          | 50 | 50 | 45,240  | HOSE |
| 277 | PMB | CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc          | 50 | 50 | 14,000  | HNX  |
| 278 | PMC | CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic                  | 50 | 50 | 140,200 | HNX  |
| 279 | PNJ | CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận                      | 50 | 50 | 106,990 | HOSE |
| 280 | POW | Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP       | 50 | 50 | 20,990  | HOSE |
| 281 | PPC | CTCP Nhiệt điện Phả Lại                             | 50 | 50 | 14,360  | HOSE |
| 282 | PPP | CTCP Dược phẩm Phong Phú                            | 50 | 50 | 26,500  | HNX  |
| 283 | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật điện lực dầu khí Việt Nam     | 50 | 50 | 14,500  | HNX  |
| 284 | PPT | CTCP Petro Times                                    | 50 | 50 | 16,250  | HNX  |
| 285 | PRE | Tổng CTCP Tái bảo hiểm Hà Nội                       | 50 | 50 | 25,400  | HNX  |
| 286 | PSD | CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí             | 50 | 50 | 18,920  | HNX  |
| 287 | PSE | CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ       | 50 | 50 | 15,300  | HNX  |
| 288 | PSI | CTCP Chứng khoán Dầu khí                            | 50 | 50 | 10,400  | HNX  |
| 289 | PSW | CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ        | 50 | 50 | 12,000  | HNX  |
| 290 | PTB | CTCP Phú Tài                                        | 50 | 50 | 66,200  | HOSE |
| 291 | PTC | CTCP Đầu tư iCapital                                | 40 | 40 | 9,470   | HOSE |
| 292 | PTI | Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện                         | 50 | 50 | 32,500  | HNX  |
| 293 | PVB | CTCP Bọc ống dầu khí Việt Nam                       | 50 | 50 | 35,200  | HNX  |
| 294 | PVC | Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP     | 50 | 50 | 14,800  | HNX  |
| 295 | PVD | Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | 50 | 50 | 26,500  | HOSE |
| 296 | PVG | CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam                        | 50 | 50 | 8,100   | HNX  |
| 297 | PVI | CTCP PVI                                            | 50 | 50 | 86,100  | HNX  |
| 298 | PVP | CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương                | 50 | 50 | 18,200  | HOSE |
| 299 | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam         | 50 | 50 | 49,000  | HNX  |
| 300 | PVT | Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí                           | 50 | 50 | 23,660  | HOSE |
| 301 | QNP | CTCP Cảng Quy Nhơn                                  | 50 | 50 | 40,000  | HOSE |

|     |     |                                                    |    |    |         |      |
|-----|-----|----------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 302 | QTC | CTCP Công trình GTVT Quảng Nam                     | 30 | 30 | 16,000  | HNX  |
| 303 | RAL | CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng đông                 | 50 | 50 | 122,330 | HOSE |
| 304 | RCL | CTCP Địa ốc Chợ Lớn                                | 50 | 50 | 17,600  | HNX  |
| 305 | REE | CTCP Cơ Điện Lạnh                                  | 50 | 50 | 86,970  | HOSE |
| 306 | RYG | CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia                  | 35 | 35 | 16,230  | HOSE |
| 307 | S4A | CTCP Thủy điện Sê San 4A                           | 50 | 50 | 46,930  | HOSE |
| 308 | S99 | CTCP SCI                                           | 50 | 50 | 14,720  | HNX  |
| 309 | SAB | Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn      | 50 | 50 | 62,010  | HOSE |
| 310 | SAF | CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco                   | 50 | 50 | 67,400  | HNX  |
| 311 | SAM | CTCP SAM HOLDINGS                                  | 40 | 40 | 7,680   | HOSE |
| 312 | SBA | CTCP Sông Ba                                       | 50 | 50 | 38,610  | HOSE |
| 313 | SBG | Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba | 50 | 50 | 15,160  | HOSE |
| 314 | SBT | CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa                   | 50 | 50 | 31,650  | HOSE |
| 315 | SC5 | CTCP Xây dựng số 5                                 | 35 | 35 | 18,650  | HOSE |
| 316 | SCG | CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG                         | 50 | 50 | 81,100  | HNX  |
| 317 | SCR | CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín                     | 50 | 50 | 11,600  | HOSE |
| 318 | SCS | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                      | 50 | 50 | 77,870  | HOSE |
| 319 | SD5 | CTCP Sông Đà 5                                     | 50 | 50 | 12,600  | HNX  |
| 320 | SD9 | CTCP Sông Đà 9                                     | 50 | 50 | 14,900  | HNX  |
| 321 | SED | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam      | 50 | 50 | 31,700  | HNX  |
| 322 | SFC | CTCP Nhiên liệu Sài Gòn                            | 45 | 45 | 22,900  | HOSE |
| 323 | SFG | CTCP Phân Bón Miền Nam                             | 50 | 50 | 13,520  | HOSE |
| 324 | SFI | CTCP Đại lý Vận tải SAFI                           | 50 | 50 | 35,880  | HOSE |
| 325 | SGC | CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang                       | 50 | 50 | 132,700 | HNX  |
| 326 | SGN | CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                       | 50 | 50 | 86,840  | HOSE |
| 327 | SGR | CTCP Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn           | 50 | 50 | 22,900  | HOSE |
| 328 | SGT | CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn                  | 50 | 50 | 21,970  | HOSE |
| 329 | SHA | CTCP Sơn Hà Sài Gòn                                | 50 | 50 | 5,200   | HOSE |
| 330 | SHB | Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                    | 50 | 50 | 23,980  | HOSE |
| 331 | SHE | Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà       | 50 | 50 | 9,700   | HNX  |
| 332 | SHI | CTCP Quốc Tế Sơn Hà                                | 30 | 30 | 14,100  | HOSE |
| 333 | SHN | CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội                        | 50 | 50 | 8,900   | HNX  |

|     |     |                                               |    |    |         |      |
|-----|-----|-----------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 334 | SHP | CTCP Thủy điện Miền Nam                       | 50 | 50 | 46,410  | HOSE |
| 335 | SHS | CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội             | 50 | 50 | 37,900  | HNX  |
| 336 | SIP | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG                       | 50 | 50 | 85,000  | HOSE |
| 337 | SJ1 | CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu                     | 25 | 25 | 19,960  | HNX  |
| 338 | SJD | CTCP Thủy điện Cần Đơn                        | 50 | 50 | 18,720  | HOSE |
| 339 | SJE | CTCP Sông Đà 11                               | 50 | 50 | 28,900  | HNX  |
| 340 | SJS | CTCP SJ Group                                 | 20 | 20 | 67,560  | HOSE |
| 341 | SKG | CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang       | 50 | 50 | 13,450  | HOSE |
| 342 | SLS | CTCP Mía đường Sơn La                         | 50 | 50 | 239,000 | HNX  |
| 343 | SMB | CTCP Bía Sài Gòn - Miền Trung                 | 50 | 50 | 53,430  | HOSE |
| 344 | SPM | CTCP S.P.M                                    | 50 | 50 | 13,780  | HOSE |
| 345 | SRC | CTCP Cao Su Sao Vàng                          | 50 | 50 | 55,000  | HOSE |
| 346 | SSB | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                     | 50 | 50 | 25,740  | HOSE |
| 347 | SSI | CTCP Chứng khoán SSI                          | 50 | 50 | 52,320  | HOSE |
| 348 | ST8 | CTCP Đầu tư phát triển ST8                    | 50 | 50 | 8,440   | HOSE |
| 349 | STB | Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín             | 50 | 50 | 73,190  | HOSE |
| 350 | STG | CTCP Kho Vận Miền Nam                         | 50 | 50 | 40,090  | HOSE |
| 351 | STK | CTCP Sợi Thép Kỹ                              | 50 | 50 | 31,000  | HOSE |
| 352 | SVC | CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn                 | 50 | 50 | 31,460  | HOSE |
| 353 | SVN | CTCP Tập đoàn Vexilla Việt Nam                | 10 | 10 | 5,000   | HNX  |
| 354 | SVT | CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông              | 50 | 50 | 16,180  | HOSE |
| 355 | SZB | CTCP Sonadezi Long Bình                       | 50 | 50 | 47,500  | HNX  |
| 356 | SZC | CTCP Sonadezi Châu Đức                        | 50 | 50 | 45,400  | HOSE |
| 357 | SZL | CTCP Sonadezi Long Thành                      | 50 | 50 | 62,400  | HOSE |
| 358 | TA9 | CTCP Xây lắp Thành An 96                      | 50 | 50 | 17,400  | HNX  |
| 359 | TBC | CTCP Thủy điện Thác Bà                        | 50 | 50 | 48,810  | HOSE |
| 360 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam             | 50 | 50 | 45,500  | HOSE |
| 361 | TCH | CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Tài Chính Hoàng Huy       | 50 | 50 | 28,080  | HOSE |
| 362 | TCI | CTCP Chứng khoán Thành Công                   | 50 | 50 | 10,000  | HOSE |
| 363 | TCL | CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | 50 | 50 | 43,810  | HOSE |
| 364 | TCM | CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | 50 | 50 | 38,800  | HOSE |
| 365 | TCO | CTCP TCO Holdings                             | 30 | 30 | 11,060  | HOSE |
| 366 | TCT | CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh                 | 50 | 50 | 27,820  | HOSE |
| 367 | TDC | CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương      | 50 | 50 | 16,570  | HOSE |

|     |     |                                                                 |    |    |        |      |
|-----|-----|-----------------------------------------------------------------|----|----|--------|------|
| 368 | TDG | CTCP Đầu tư TDG Global                                          | 30 | 30 | 4,120  | HOSE |
| 369 | TDM | CTCP Nước Thù Dầu Một                                           | 50 | 50 | 71,760 | HOSE |
| 370 | TDP | CTCP Thuận Đức                                                  | 50 | 50 | 43,030 | HOSE |
| 371 | TDI | CTCP Đầu tư và Phát triển TDI                                   | 50 | 50 | 8,800  | HNX  |
| 372 | TEG | CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành                    | 50 | 50 | 7,980  | HOSE |
| 373 | TFC | CTCP Trang                                                      | 40 | 40 | 86,375 | HNX  |
| 374 | THD | CTCP Thaiholdings                                               | 50 | 50 | 35,700 | HNX  |
| 375 | THG | CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang                              | 50 | 50 | 68,000 | HOSE |
| 376 | TIP | CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa                       | 50 | 50 | 23,850 | HOSE |
| 377 | TLD | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long | 40 | 40 | 6,000  | HOSE |
| 378 | TLG | CTCP Tập đoàn Thiên Long                                        | 50 | 50 | 67,860 | HOSE |
| 379 | TMB | CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin                       | 50 | 50 | 80,300 | HNX  |
| 380 | TMP | CTCP Thủy điện Thác Mơ                                          | 50 | 50 | 80,990 | HOSE |
| 381 | TMS | CTCP Transimex                                                  | 50 | 50 | 54,600 | HOSE |
| 382 | TN1 | CTCP ROX Key Holdings                                           | 50 | 50 | 20,670 | HOSE |
| 383 | TNC | CTCP Cao su Thống nhất                                          | 50 | 50 | 42,120 | HOSE |
| 384 | TNG | CTCP Đầu tư và Thương mại TNG                                   | 50 | 50 | 26,900 | HNX  |
| 385 | TNT | CTCP Tập đoàn TNT                                               | 10 | 10 | 2,940  | HOSE |
| 386 | TOT | CTCP Transimex Logistics                                        | 50 | 50 | 21,800 | HNX  |
| 387 | TPB | Ngân hàng TMCP Tiên Phong                                       | 50 | 50 | 25,740 | HOSE |
| 388 | TRA | CTCP Traphaco                                                   | 50 | 50 | 88,400 | HOSE |
| 389 | TRC | CTCP Cao Su Tây Ninh                                            | 50 | 50 | 85,020 | HOSE |
| 390 | TSB | CTCP Ác quy Tia Sáng                                            | 50 | 50 | 51,500 | HNX  |
| 391 | TTA | CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành                 | 50 | 50 | 16,640 | HOSE |
| 392 | TV2 | CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2                                     | 50 | 50 | 47,900 | HOSE |
| 393 | TV4 | CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4                                     | 40 | 40 | 17,800 | HNX  |
| 394 | TVB | CTCP Chứng khoán Trí Việt                                       | 35 | 35 | 8,580  | HOSE |
| 395 | TVC | CTCP Tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt                          | 50 | 50 | 14,500 | HNX  |
| 396 | TVD | CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin                                 | 50 | 50 | 13,600 | HNX  |
| 397 | TVS | CTCP Chứng khoán Thiên Việt                                     | 50 | 50 | 28,340 | HOSE |
| 398 | TVT | Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP                                  | 50 | 50 | 20,280 | HOSE |
| 399 | TYA | Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam                   | 50 | 50 | 22,100 | HOSE |
| 400 | UIC | CTCP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO                      | 50 | 50 | 62,400 | HOSE |
| 401 | UNI | CTCP Đầu Tư Và Phát Triển Sao Mai Việt                          | 50 | 50 | 12,500 | HNX  |
| 402 | VC3 | CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông                                       | 35 | 35 | 26,780 | HNX  |
| 403 | VC6 | CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons                                | 30 | 30 | 49,100 | HNX  |
| 404 | VC7 | CTCP Tập đoàn BGI                                               | 50 | 50 | 13,740 | HNX  |
| 405 | VCB | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam                            | 50 | 50 | 89,830 | HOSE |

|     |     |                                                 |    |    |         |      |
|-----|-----|-------------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 406 | VCC | CTCP Vinaconex 25                               | 50 | 50 | 13,600  | HNX  |
| 407 | VCG | Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây Dựng Việt Nam   | 50 | 50 | 31,590  | HOSE |
| 408 | VCI | CTCP Chứng Khoán Bán Việt                       | 50 | 50 | 55,960  | HOSE |
| 409 | VCS | CTCP VICOSTONE                                  | 50 | 50 | 61,800  | HNX  |
| 410 | VDP | CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA               | 40 | 40 | 39,430  | HOSE |
| 411 | VDS | CTCP Chứng khoán Rồng Việt                      | 50 | 50 | 30,940  | HOSE |
| 412 | VFG | CTCP Khử trùng Việt Nam                         | 50 | 50 | 76,960  | HOSE |
| 413 | VFS | CTCP Chứng khoán Nhất Việt                      | 42 | 42 | 20,340  | HNX  |
| 414 | VGC | Tổng công ty Viglacera - CTCP                   | 50 | 50 | 81,800  | HOSE |
| 415 | VGP | CTCP Càng Rau Quả                               | 50 | 50 | 37,400  | HNX  |
| 416 | VGS | CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE                  | 50 | 50 | 41,800  | HNX  |
| 417 | VHC | CTCP Vĩnh Hoàn                                  | 50 | 50 | 77,480  | HOSE |
| 418 | VHE | CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam            | 30 | 30 | 5,000   | HNX  |
| 419 | VHM | CTCP Vinhomes                                   | 50 | 50 | 65,000  | HOSE |
| 420 | VIB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam   | 50 | 50 | 28,470  | HOSE |
| 421 | VIC | Tập đoàn VINGROUP - CTCP                        | 35 | 35 | 114,280 | HOSE |
| 422 | VID | CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông     | 50 | 50 | 6,590   | HOSE |
| 423 | VIF | Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP         | 50 | 50 | 20,600  | HNX  |
| 424 | VIP | CTCP vận tải xăng dầu VIPCO                     | 50 | 50 | 17,610  | HOSE |
| 425 | VIT | CTCP Viglacera Tiên Sơn                         | 50 | 50 | 21,900  | HNX  |
| 426 | VIX | CTCP Chứng khoán VIX                            | 50 | 50 | 35,000  | HOSE |
| 427 | VJC | CTCP Hàng không VIETJET                         | 50 | 50 | 150,000 | HOSE |
| 428 | VMC | CTCP Vimeco                                     | 50 | 50 | 8,400   | HNX  |
| 429 | VMS | CTCP Phát triển Hàng hải                        | 50 | 50 | 25,520  | HNX  |
| 430 | VNC | Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol            | 50 | 50 | 45,500  | HNX  |
| 431 | VND | CTCP Chứng Khoán VNDirect                       | 50 | 50 | 34,840  | HOSE |
| 432 | VNF | CTCP VINAFREIGHT                                | 50 | 50 | 22,100  | HNX  |
| 433 | VNL | Công ty cổ phần Logistics Vinalink              | 50 | 50 | 26,130  | HOSE |
| 434 | VNM | CTCP Sữa Việt Nam                               | 50 | 50 | 72,670  | HOSE |
| 435 | VNR | Tổng CTCP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam        | 50 | 50 | 26,900  | HNX  |
| 436 | VNS | CTCP Ánh Dương Việt Nam                         | 50 | 50 | 12,280  | HOSE |
| 437 | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng             | 50 | 50 | 41,600  | HOSE |
| 438 | VPD | CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam               | 50 | 50 | 31,780  | HOSE |
| 439 | VPG | CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát | 50 | 50 | 12,800  | HOSE |
| 440 | VPI | CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest                    | 27 | 27 | 56,110  | HOSE |
| 441 | VPS | CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam                   | 50 | 50 | 16,180  | HOSE |
| 442 | VRC | CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC                 | 35 | 35 | 13,750  | HOSE |
| 443 | VRE | CTCP Vincom Retail                              | 50 | 50 | 49,400  | HOSE |

|     |     |                                             |    |    |         |      |
|-----|-----|---------------------------------------------|----|----|---------|------|
| 444 | VSA | CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam               | 50 | 50 | 29,200  | HNX  |
| 445 | VSC | CTCP Container Việt Nam                     | 50 | 50 | 44,000  | HOSE |
| 446 | VSI | CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước      | 50 | 50 | 29,200  | HOSE |
| 447 | VTB | CTCP Viettronics Tân Bình                   | 50 | 50 | 13,060  | HOSE |
| 448 | VTP | Tổng CTCP Bưu chính Viettel                 | 50 | 50 | 139,000 | HOSE |
| 449 | VTZ | CTCP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành | 50 | 50 | 22,400  | HNX  |
| 450 | WCS | CTCP Bến xe Miền Tây                        | 50 | 50 | 504,200 | HNX  |
| 451 | X20 | CTCP X20                                    | 30 | 30 | 16,230  | HNX  |
| 452 | YBM | CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái         | 50 | 50 | 18,600  | HOSE |
| 453 | YEG | CTCP Tập đoàn Yeah1                         | 50 | 50 | 18,100  | HOSE |

- Danh sách này được áp dụng từ ngày 15/10/2025
- Chỉ những chứng khoán trong danh sách này mới được tính làm tài sản thế chấp
- PHS có thể tạm dừng giao dịch ký quỹ mới ở những mã trên đây, hoặc thay đổi danh sách này bất cứ lúc nào mà không cần báo trước.

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CHEN CHIA KEN**